

*Hợp đồng vay tài sản”*

tham gia tố tụng trong vụ án này. Sau khi vay xong, anh Đ đến hạn hai bên thỏa thuận trả nợ ngày 25/3/2018 bà đã đòi anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ có thái độ thách thức bà và đến nay anh Đ vẫn chưa trả cho bà được khoản tiền nào. Nay bà khởi kiện yêu cầu cá nhân anh Đ phải có trách nhiệm trả bà số tiền gốc là 14.968.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 07/3/2018 và bà không yêu cầu anh Đ phải trả tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị H có mặt trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu anh Đ phải trả bà số tiền 14.968.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 07/3/2018 và không yêu cầu tiền lãi, bà cam đoan toàn bộ chữ viết trong giấy biên nhận vay tiền là chữ viết của anh Đ, nếu sai bà xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

*\* Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh Thân Văn Đ trình bày:*

Anh và bà Nguyễn Thị H không có mối quan hệ quen biết gì. Ngày 07/3/2018, anh không viết giấy biên nhận vay tiền với bà H, anh không vay bà H số tiền 14.986.000 đồng như bà H đang khởi kiện anh, toàn bộ chữ viết trong giấy vay tiền ngày 07/3/2018 không phải chữ viết của anh, chữ ai viết thì anh không biết. Anh khẳng định không vay bà H khoản tiền nào, vợ anh là chị Nguyễn Thị Hữu cũng không biết giấy vay này và cũng không vay bà H khoản tiền nào, không liên quan gì về yêu cầu khởi kiện của bà H khởi kiện anh. Nay bà H kiện yêu cầu anh phải có trách nhiệm trả bà số tiền gốc là 14.968.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 07/3/2018 và bà không yêu cầu anh phải trả tiền lãi. Việc khởi kiện của bà H là không đúng vì thực tế anh không biết bà H là ai và không vay bà H bất kỳ khoản tiền nào bao giờ. Về chữ viết trong giấy vay tiền ngày 07/3/2018 anh khẳng định không phải chữ viết của anh, anh sẽ làm đơn đề nghị giám định chữ viết, chữ ký nộp cho Tòa án trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 29/4/2022 nếu anh không có đơn đề nghị giám định chữ viết nộp cho Tòa án thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại biên bản làm việc của Tòa án với anh Đ về việc yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết trong giấy vay nợ ngày 07/3/2018 thì Tòa án đã giải thích cho anh Đ về việc trưng cầu giám định chữ viết, anh Đ trình bày nếu anh có đề nghị trưng cầu giám định chữ viết thì anh sẽ làm đơn nộp cho Tòa án, nếu anh không nộp đơn đề nghị trưng cầu giám định chữ viết coi như anh từ bỏ quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Thân Văn Đ vắng mặt.

\* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn bà H có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn anh Đ chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; 469 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội về mức thi miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu anh Thân Văn Đ trả số tiền 14.986.000 đồng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 749.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: Vụ án Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị H và anh Thân Văn Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Thân Văn Đ có nơi cư trú ở thôn 7, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Thân Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

[3] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu anh Thân Văn Đ có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 14.986.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 07/3/2018 và bà không yêu cầu trả lãi được xác định là quan hệ “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

\* Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền phải trả:

Tại giấy vay tiền đề ngày 07/3/2018 có ghi “hôm nay là ngày 7 tháng 3.2018, Đ nợ cô H 14.986.000 đồng (mười bốn triệu chín trăm tám sáu nghìn)”. Bà H khẳng định toàn bộ chữ viết trong giấy vay nợ này là của anh Đ, anh Đ không thừa nhận có việc vay nợ bà H và khẳng định không phải chữ viết của anh, Tòa án đã giải thích cho anh Đ về việc trưng cầu giám định chữ viết nhưng anh không làm đơn đề nghị giám định chữ viết cũng như không xuất trình được các tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho quyền lợi của mình. Bà H trình bày anh Đ vay tiền mục đích là để mua tiền bảo hiểm cá nhân anh Đ, bà yêu cầu cá nhân anh Đ phải trả nợ cho bà, số tiền bà cho anh Đ vay là tiền của cá nhân bà không liên quan gì đến chồng con bà. Anh Đ trình bày vợ anh không biết nội dung vay nợ và không liên quan gì đến vợ anh trong vụ án bà H khởi kiện. Như vậy, việc trình bày ý kiến của anh Đ tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai và biên bản làm việc không vay số tiền trên của bà H nhưng anh không đề nghị giám định chữ viết cũng như không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của anh Đ. Tại phiên tòa bà H vẫn yêu cầu anh Đ phải trả bà số tiền vay là 14.986.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh Đ có trách nhiệm phải trả nợ cho bà H số tiền 14.986.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 07/3/2018 là có căn cứ cần được chấp nhận.

\* Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do tại phiên tòa anh Thân Văn Đ vắng mặt nên không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên anh Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí anh Đ phải chịu là: 14.986.000 đồng x 5% = 749.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463; Điều 465; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về nghĩa vụ trả nợ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc anh Thân Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc là 14.986.000.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm tám sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Án phí:

Anh Thân Văn Đ phải chịu 749.000 đồng (Bảy trăm bốn chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng (Ba trăm bảy lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006219 ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

[3] Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và

Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân**











